

World Relief

O.D.P. DEPARTMENT

QUESTIONNAIRE

DO NOT WRITE IN THIS SPACE.

SUBMITTED

ENTERED

FILED

REGION

SECTION 1

My name is Rev. THANG NGOC DANG Sex M My Present Address

Other names I have used none

My Date of Birth December 5, 1938 My Phone numbers (803)

My Place of Birth LONG-AN VIETNAM

SECTION 2

I entered the U.S. on June 16, 1988 (date) From The PHILIPPINES (country or camp)

My present status in the U.S. is: Refugee A#

X Permanent Resident Alien A# 28007415

U.S. Citizen #

(naturalization certificate number)

SECTION 3

THE FOLLOWING ARE PERSONS IN VIETNAM KNOWN TO ME AND WHO MAY BE ELIGIBLE TO ENTER THE U.S. AS FORMER U.S. GOVERNMENT EMPLOYEES/CLOSE ASSOCIATE OF THE U.S. OR ASIAN AMERICAN CHILD:

NAME of Principal Applicant Sex Date/Place of Birth Complete Address in Vietnam

HUYNH KIM THANH

M

4.19.1944.Bienhoa VN

43 lo P Cu xa VINH HOI

P.6 Quan 4 HO CHI MINH City

Number of close relatives accompanying Principal Applicant: 3 (Full list on back)

Does this family have an IV number? Exit Permits? Yes x No

What relation (if any) is the principal applicant to you?

SECTION 4 - DESCRIPTION OF PAST ASSOCIATION

U.S. GOVERNMENT EMPLOYEE: AGENCY (USAID, COMUS, MACV/DAO) LAST TITLE/GRADE

WORKED FROM TO NAME OF SUPERVISOR

EMPLOYEE OF AMERICAN COMPANY OR ORGANIZATION: LAST TITLE/GRADE

U.S. COMPANY, CONTRACTOR, AGENCY, ORGANIZATION OR FOUNDATION

NAME/POSITION OF SUPERVISOR WORKED FROM TO Lieutenant

EMPLOYEE OF VIETNAMESE GOVERNMENT/MILITARY SERVICE (1954-1975): TITLE/RANK

MINISTRY OR MILITARY UNIT OF EDUCATION FROM 8.20.1964 TO 4.30.1975

JOB DESCRIPTION TEACHER OF PHILOSOPHY LIST ANY AWARDS, COMMENDATIONS, OR

REWARDS RECEIVED FROM U.S. GOVERNMENT

NAME/RANK OF ANY AMERICAN SUPERVISOR

RE-EDUCATION CAMP: No Yes x How Long? 3 years 9 months

SCHOOL _____ LOCATION _____

TYPE OF DEGREE OR CERTIFICATE _____

DATES OF TRAINING _____ WHO PAID? _____

ASIAN-AMERICAN CHILDREN: NAME _____ SEX _____

DATE OF BIRTH _____ PLACE _____ MARRIED? _____

FULL NAME OF BIRTH MOTHER _____ ADOPTED MOTHER _____

ADDRESS _____ (if none, write none)

SECTION 5 NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PR): HUYNH KIM THANH
(listed on Page 1)

NAME OF ACCOMPANYING RELATIVES	Sex	Date/Place of Birth	Relationship to P.A.
1. NGUYEN THI BA	F	1944/Saigon VN	Wife
2. HUYNH KIM THACH	M	1966/Saigon VN	Son
3. HUYNH KIM THONG	M	1968/Saigon VN	Son
4.			
5.			
6.			
7.			
8.			
9.			
10.			

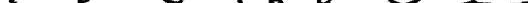
ANY ADDITIONAL INFORMATION: -Teacher of Philosophy at HONG BANG Education
Center Saigon - Officer in ARVN:
-Last rank: 1st Lieutenant
Military Serial number: 64/141.762. KBC:4.204
-Education Bachelor of Philosophy (Faculty of letters of University of Saigon)

SECTION 6

I SWEAR THAT ~~THE~~ ABOVE INFORMATION IS TRUE TO THE BEST OF MY KNOWLEDGE.

Signature *Khangmeo Dang* Date May 22, 1991

Subscribed and Sworn to before me.

Notary Public Signature 

This 23 day of May, 1991.

My Commission Expires on _____

Adelaide ngày 9-9-1991

Kính gửi :

Bà Khắc Minh Thơ,
Hội Gia-Đình Tù-Nhân Chính-Trị Việt-Nam,
P.O. Box 5435 Arlington,
VA 22205-0635, U.S.A.

Thưa Bà,

Ngày 2-5-1990, tôi có gửi tới Quý Hội hồ-sơ xin bảo-lãnh anh Huỳnh Kim Thành, một người bạn thân đã cùng bị tù cải-tạo với tôi.

Mới đây tôi có nhận được giấy bảo-trợ của Mục-sư Đặng Ngọc Thắng, thuộc Hội Thánh Tin Lành, đại-diện World Relief nhận bảo-trợ cho anh Thành và gia-đình.

Tôi xin kính chuyển giấy bảo-trợ này tới Bà để xin được bổ-túc hồ-sơ anh Huỳnh Kim Thành. Ước mong Bà hết lòng giúp đỡ anh Thành, một giáo-sư triết-học khảng-khải cương-trước, một võ-sư Thái-cực đạo, một cựu Sĩ-quan Quân-Lực Việt-Nam Cộng-Hòa đầy ý-thức danh-dự.

Tôi cũng xin gửi kèm đây một chi-phiếu niên-liêm năm nay (1991). Tôi xin thành thực tạ lỗi cùng Quý Hội về sự chậm trễ đóng niên-liêm này. Đầu năm nay không may tôi bị tai nạn xe hơi, phải chổ vào bệnh-viện. Từ đó một thời-gian khá dài gia-đình tôi bị khủng-hoảng cả về mặt sức khỏe lẫn tài-chính, nên tôi không đủ tâm-trí bình tĩnh để phúc-đáp thư từ ở mọi nơi với tôi.

Tôi xin kính chúc Bà luôn luôn được an khang và nhiều may mắn. Cũng tôi vô cùng xúc động trước những việc làm vô vị lợi và thiết thực của Quý Hội nhằm giúp đỡ những cựu tù-nhân Chính-trị ở Việt-Nam.

Kính thư,



Nguyễn Khánh-Vân,
Nguyên Giảng-viên Viện Đại Học Bách-Khoa Thủ-Đức,
5 Cox Terrace, Northfield SA 5085, South Australia

Saigon, ngày 28 tháng 8 năm 1991.

Kính gửi :

Bà KHUỐC MINH THỎ

Chủ tịch

Hội Gia đình tù nhân chính trị Việt Nam

Thưa Bà,

Tôi tên HUYNH KIM THANH, nguyên Trung úy quân lực Việt Nam Cộng Hòa, đã bị học tập tập trung cải tạo, và được nhà nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam chấp thuận cho phép xuất cảnh định cư tại Hoa Kỳ trong danh sách số H.23, hiện thường trú tại số P 23 43 cũ xã Vĩnh Hội, Bến Vân Đồn, Phường 6, Quận 4, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vào tháng 4 năm 1990, tôi được người bạn thân NGUYỄN KHÁNH VÂN ở Úc lập hồ sơ cho tôi nhờ quý Hội giúp đỡ cho gia đình chúng tôi được sớm định cư tại Hoa Kỳ, nhưng lúc bấy giờ chúng tôi không có được người bảo trợ.

Nay gia đình chúng tôi được Mục sư ĐẶNG NGỌC THẮNG hiện ngụ tại Bang South Carolina lập hồ sơ bảo trợ. Vậy kính gửi đến Bà bản sao để bổ túc hồ sơ.

Kính mong Bà và quý Hội giúp đỡ để gia đình chúng tôi có thể sớm được định cư tại Hoa Kỳ hầu chúng tôi có thể trực tiếp tham gia các công tác của Hội.

Trân trọng,



HUYNH KIM THANH

Đính kèm :

- Bản sao giấy bảo trợ
 - Bản sao giấy báo tin
 - Bản sao huy chương;
 - Bản sao các hồ chiếu
 - Bao sao nghị định thăng trật
 - Bản sao giấy ra trại
- Bà có thể liên lạc với địa chỉ này: KHAI - TRẦN

World Relief

O.D.P. DEPARTMENT

QUESTIONNAIRE

DO NOT WRITE IN THIS SPACE.

SUBMITTED _____

ENTERED _____

FILED _____

REGION _____

SECTION 1

My name is Rev. THANG NGOC DANG Sex M My Present Address _____

Other names I have used none (If)

My Date of Birth December 5, 1938 My Phone numbers ()

My Place of Birth LONG-AN VIETNAM ()

SECTION 2

I entered the U.S. on June 16, 1980 (date) From The PHILIPPINES (country or camp)

My present status in the U.S. is: Refugee A#

X Permanent Resident Alien A# 28007415

U.S. Citizen #
(naturalization certificate number)

SECTION 3

THE FOLLOWING ARE PERSONS IN VIETNAM KNOWN TO ME AND WHO MAY BE ELIGIBLE TO ENTER THE U.S. AS FORMER U.S. GOVERNMENT EMPLOYEES/CLOSE ASSOCIATE OF THE U.S. OR ASIAN AMERICAN CHILD:

NAME of Principal Applicant	Sex	Date/Place of Birth	Complete Address in Vietnam
<u>HUYNH KIM THANH</u>	<u>M</u>	<u>4.19.1944.Bienhoa VN</u>	<u>43 lo P Cu xa VINH HOI</u> <u>P.6 Quan 4 HO CHI MINH City</u>

Number of close relatives accompanying Principal Applicant: 3 (Full list on back)

Does this family have an IV number? Exit Permits? Yes x No

What relation (if any) is the principal applicant to you? _____

SECTION 4 - DESCRIPTION OF PAST ASSOCIATION

U.S. GOVERNMENT EMPLOYEE: AGENCY LAST TITLE/GRADE
(USAID, COMUS, MAC/DAO)

WORKED FROM TO NAME OF SUPERVISOR _____

EMPLOYEE OF AMERICAN COMPANY OR ORGANIZATION: LAST TITLE/GRADE _____

U.S. COMPANY, CONTRACTOR, AGENCY, ORGANIZATION OR FOUNDATION _____

NAME/POSITION OF SUPERVISOR WORKED FROM TO

EMPLOYEE OF VIETNAMESE GOVERNMENT/MILITARY SERVICE (pre-1975): TITLE/RANK Lieutenant

MINISTRY OR MILITARY UNIT OF EDUCATION FROM 8.20.1964 TO 4.30.1975

JOB DESCRIPTION TEACHER OF PHILOSOPHY LIST ANY AWARDS, COMMENDATIONS, OR

AWARDS RECEIVED FROM U.S. GOVERNMENT _____

NAME/RANK OF ANY AMERICAN SUPERVISOR _____

RE-EDUCATION CAMP: No Yes x How Long? 3 years 9 months

1-12-2030

21.11

BỘ NỘI VỤ
CỤC QUẢN LÝ X.N.C

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 533/XC

GIẤY BẢO TIN

Kính gửi: Ông Huỳnh Kim Thanh

Hiện ở: P.43 Cư xá Vĩnh Hòa, Bến Vân Đồn, F6, Q4
TPHCM

1/ Chúng tôi đồng ý cho Ông cùng 03 người trong gia đình được phép xuất cảnh đến nước Mỹ.

2/ Về việc cấp hộ chiếu: chúng tôi đã cấp 04 hộ chiếu cho gia đình, số:

từ số 81819 đến 81825 / 90 DG

(gửi kèm theo)

3/ Chúng tôi đã lên danh sách số H23 chuyển Bộ Ngoại giao để chuyển chính phủ Mỹ bố trí tiếp xúc phỏng vấn và xét nhập cảnh.

Nếu gia đình cần biết thời gian phỏng vấn tiếp xúc và kết quả xét duyệt nhập cảnh xin liên hệ với chính phủ Mỹ.

Xin thông báo để Ông yên tâm ./

Hà Nội, ngày 16 tháng 11 / 1990..

TRƯỞNG PHÒNG X.N.C



Nguyễn Phú

I ÔNG THAM-MUƯ TRƯỞNG
QUÂN-LỰC VIỆT-NAM CỘNG-HÒA,

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
BỘ QUỐC- PHÒNG
BỘ TỔNG THAM-MUƯ QLVNCH
PHÒNG TỔNG QUẢN-TRỊ

Số : 033/TTM/TQT/QP/QPBT

- Chiều
- Chiều

Q U Y Ế T * Đ Ị N H :

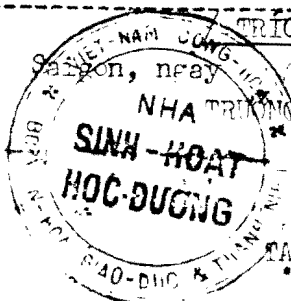
Điều thứ 1. - Nay ân thưởng "QUÂN-PHONG BỘI-TÌNH" hạng Năm (5) cho các quân-nhân có tên sau đây :

- TRỊNH-MINH-ÁNH	Trung-Ủy	Sq.61/189.214	TTQT/TU/TS
	(k/t ngày 11.07.69)		
- NGUYỄN-TRỌNG-ĐÔNG	Trung-Ủy	Sq.60/501.238	-nt-
	(k/t ngày 16.05.68)		
- ĐOÀN-THẾ-HÀO	Trung-Ủy	Sq.56/126.334	-nt-
	(k/t ngày 08.07.69)		
- LÊ-NGUYỄN-HỒNG	Trung-Ủy	Sq.60/105.393	-nt-
	(k/t ngày 16.06.68)		
- VŨ-MẠNH-HÙNG	Trung-Ủy	Sq. 61/110.431	-nt-
	(k/t ngày 15.07.69)		
- ĐINH-NGỌC-KHÔI	Trung-Ủy	Sq.62/112.462	-nt-
	(k/t ngày 15.04.71)		
- VŨ-VĂN-LIÊM	Trung-Ủy	Sq.61/108.627	-nt-
	(k/t ngày 07.07.72)		
- LÊ-THANH-SƠN	Trung-Ủy	Sq.61/116.332	-nt-
	(k/t ngày 20.07.69)		
- TRẦN-THANH	Trung-Ủy	Sq.63/169.427	-nt-
	(k/t ngày 20.04.70)		
- HUỖNH-KIM-THÀNH	Trung-Ủy	Sq.64/141.711	-nt-
	(k/t ngày 08.01.71)		
- HÀ-PHƯỚC-THỌ	Trung-Ủy	Sq.61/107.789	-nt-
	(k/t ngày 15.07.69)		
- LÊ-CÔNG-TRÌNH	Trung-Ủy	Sq.59/161.907	-nt-
	(k/t ngày 23.03.68)		

Điều thứ II. - Quyết-Định này phải được ghi chú và xén vào hồ-sơ cá-nhân của người thụ hưởng. -

(Tiếp theo trang 2)

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
BỘ VĂN-HÓA GIÁC-ĐỨC VÀ THANH-NIÊN
NHA SINH-HOẠT HỌC-ĐƯỜNG
Số : 1285- VHGDTV/SHHP/ĐH



TRẦN TẠNG THÀNH

TRỊCH Y
Sàigòn, ngày tháng 10 năm 1974
NHA TRƯỞNG BAN ĐIỀU-HÀNH

TÀ BÌNH GIANG

I ÔNG THAM-MƯU TRƯỞNG
QUÂN-LỰC VIỆT-NAM CỘNG-HÒA,

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
ĐỘ QUỐC- PHÒNG
BỘ TỔNG THAM-MƯU QLVNCH
PHÒNG TỔNG QUẢN-TRỊ

Số : 033/TTM/TQT/QP/QPBT

- Chiếu
- Chiếu

Q U Y Ế T * Đ Ị N H

Điều thứ 1. - Nay ân thưởng "**QUÂN-PHONG ĐỘI-TINH**" Hạng Năm (5) cho các quân-nhân có tên sau đây :

- TRỊNH-MINH-ÁNH	Trung-Ủy Sq.61/189.214 (k/t ngày 11.07.69)	TTQT/TB/TS
- NGUYỄN-TRỌNG-ĐÔNG	Trung-Ủy Sq.60/501.238 (k/t ngày 16.05.68)	-nt-
- ĐOÀN-THẾ-HÀO	Trung-Ủy Sq.56/126.334 (k/t ngày 08.07.69)	-nt-
- LÊ-NGUYỄN-HỒNG	Trung-Ủy Sq.60/105.393 (k/t ngày 16.06.68)	-nt-
- VŨ-MẠNH-HÙNG	Trung-Ủy Sq. 61/110.431 (k/t ngày 15.07.69)	-nt-
- ĐINH-NGỌC-KHOI	Trung-Ủy Sq.62/112.462 (k/t ngày 15.04.71)	-nt-
- VŨ-VĂN-LIÊM	Trung-Ủy Sq.61/108.627 (k/t ngày 07.07.72)	-nt-
- LÊ-THANH-SƠN	Trung-Ủy Sq.61/116.332 (k/t ngày 20.07.69)	-nt-
- TRẦN-THANH	Trung-Ủy Sq.63,169.487 (k/t ngày 20.04.70)	-nt-
- <u>HUYỀN-KIM-THÀNH</u>	Trung-Ủy Sq.64/141.767 (k/t ngày 08.01.71)	-nt-
- HÀ-PHƯỚC-THỌ	Trung-Ủy Sq.61/107.789 (k/t ngày 15.07.69)	-nt-
- LÊ-CÔNG-TRÌNH	Trung-Ủy Sq.59/161.907 (k/t ngày 23.03.68)	-nt-

Điều thứ II. - Quyết-Định này phải được ghi chép và xếp vào hồ-sơ cá-nhân của người thụ hưởng. -

(Tiếp theo trang 2)

(Quyết-Định số : 035/TTH/TQT/QĐ/QPBT ngày 27.03.1973 của Bộ
Tổng Tham Mưu QLVNCH, V/v Ấn thưởng Quân-Phong, Bộ-Tĩnh)

KDC.4.002, ngày 27 tháng 03 năm 1973

NƠI NHẬN :

TUE. Đại-Đường CAO-VĂN-VIÊN

Tổng Tham-Mưu Trưởng QLVNCH

TL. Trung-Tướng NGUYỄN-VĂN-MẠNH

Tham-Mưu Trưởng Bộ TTM

Thiếu-Tướng NGUYỄN-XUÂN-TRAI

Tham-Mưu Phó Nhân-Viên

(Ấn ký)

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
BỘ VĂN-HÓA GIÁO-DỤC VÀ THANH-NIÊN

NHA SINH-HOẠT HỌC-DƯỜNG

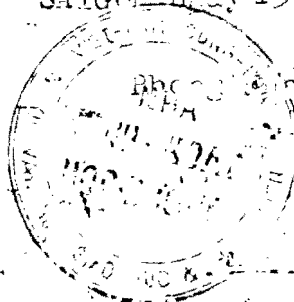
---000---

TRÍCH SAO Y

SAIGON, ngày 15 tháng 04 năm 1974

Chữ-Say

Bộ-Tổng-Tham-Mưu-Chief Nhân-Viên



SAIGON

I **ÔNG THAM MƯU TRƯỞNG**
QUÂN-LỰC VIỆT-NAM CỘNG-HÒA,

Chính/Str
VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
BỘ QUỐC- PHÒNG
BỘ TỔNG-THAM-MƯU QLVNCH
PHÒNG TỔNG-QUẢN-TRỊ

Số: 084/PTM/TQT/QĐ/QVBT

- Chiếu
- Chiếu

Q U Y Ế T - Đ Ị N H :

Điều thứ 1.- Nay ân-thưởng "QUÂN-VU ĐỘI-TRINH" Hạng Năm (5)
cho các quân-nhân có tên dưới đây :

- TRỊNH-MINH-ANH	Trung-Úy	Sq.61/189.214	TT/QTU/TSố
	(k/t ngày	11.07.1969)	
- NGUYỄN-VAN-DANG	Trung-Úy	Sq.58/103.752	-nt-
	(k/t ngày	07.03.1969)	
- ĐOÀN-THẾ-HÀO	Trung-Úy	Sq.56/126.334	-nt-
	(k/t ngày	08.07.1969)	
- LÊ-NGUYỄN-HỒNG	Trung-Úy	Sq.60/105.393	-nt-
	(k/t ngày	16.06.1968)	
- VŨ-MẠNH-HÙNG	Trung-Úy	Sq.61/110.431	-nt-
	(k/t ngày	15.07.1969)	
- ĐINH-NGỌC-KHÔI	Trung-Úy	Sq.62/112.462	-nt-
	(k/t ngày	15.04.1971)	
- VŨ-VAN-LIÊM	Trung-Úy	Sq.61/108.622	-nt-
	(k/t ngày	07.07.1969)	
- LÊ-THANH-SƠN	Trung-Úy	Sq.61/116.332	-nt-
	(k/t ngày	20.07.1969)	
- <u>HUỲNH-KIM-THÀNH</u>	Trung-Úy	Sq.64/141.762	-nt-
	(k/t ngày	08.01.1971)	
- TRẦN-THANH	Trung-Úy	Sq.63/169.427	-nt-
	(k/t ngày	20.04.1970)	
- HÀ-PHƯỚC-THỌ	Trung-Úy	Sq.61/107.789	-nt-
	(k/t ngày	15.07.1969)	
- LÊ-CÔNG-TRÌNH	Trung-Úy	Sq.59/161.907	-nt-
	(k/t ngày	23.03.1968)	

Điều thứ II.- Quyết-Định này phải được ghi chú và xếp vào
hồ-sơ cá-nhân của người thu-hưởng./-

(Tiếp theo trang 2)

(Quyết-Định số 084/TTT/TQT/QĐ/VNBT ngày 06.08.1973 của Bộ Tổng Tham Mưu QLVNCH, V/v ân thưởng Quân-Vũ Bội Tinh Hạng Năm)

NƠI NHẬN :

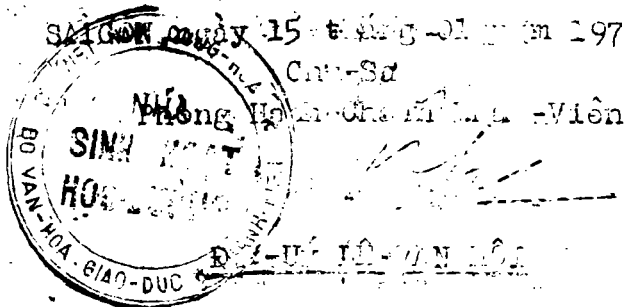
KBC.4.002, ngày 06 tháng 08 năm 1973
TUN. Đại-Tướng CAO-VIỆT-VIÊN
Tổng Tham Mưu Trưởng QLVNCH (GX)
Trung-Tướng LÊ-NGUYỄN-KHANG
Phụ-Tá Hành-Quân Tổng Tham-Mưu-Trưởng
XLTV.CV Tổng Tham Mưu Trưởng QLVNCH
Trung-Tướng NGUYỄN-VĂN-MẠNH
Tham-Mưu-Trưởng Bộ TTN
Thiếu-Tướng NGUYỄN-XUÂN-TRANG
Tham-Mưu Phó Nhân-Viên,
(ấn ký)

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
BỘ VĂN-HÓA GIÁO-DỤC VÀ THANH-NIÊN

NHA SINH-HOẠT HỌC-DƯỠNG

TRÍCH SAO Y

SAIGON, ngày 15 tháng 01 năm 1974



THỦ TƯỚNG CHÍNH-PHỦ

Chieu :.....

NGHỊ - ĐỊNH

Điều 1 : Nay được ghi tên vào bảng thăng thưởng về năm 1974 và được thăng trật ke từ 1.1.1974 và 1.7.1974 về phương diện tham niên và lương bổng, 1912 Giác-sư Trung-học Đệ Nhị cấp phổ-thông có tên sau đây :

Thăng ke từ 1.1.1974 về tham niên và lương bổng :

A.- Đường nhiên

B.- Lựa chọn

Thăng GSTHD2C/THH3

Số TT :	Họ và tên	Số trước tịch :	Ngạch trật :	Nhiệm sở
286	Lê quan Tấn	986	GSTHD2C/THH4	Nha Trung-Học
Thăng GSTHD2C/h1				
827	Tran Thanh	3429	GSTHD2C/h2	Nha Sinh-Hoạt Học-Đường
839	Nguyễn Thắng Cảnh	2163	-nt-	-nt-
840	Huỳnh kim Thành	4680	-nt-	-nt-

Thăng GBTHD2C/h3

1880	Trương Tín Văn	3077	GSTHD2C/h4	-nt-
------	----------------	------	------------	------

Điều 2 :

Điều 3 : Tổng-Trưởng Văn-Hóa Giáo-Dục và Thanh-Niên, Tổng Ủy Trưởng Công-vụ và Bộ Trưởng Thủ Thủ-Tướng, chieu nhiệm vụ thi-hành Nghị-định này.

- Chieu-hội công vụ ngày 03.6.1974
- KSƯC ngày 10.6.74

Saigon, ngày 03 tháng 10 năm 1974

TUN Thủ-Tướng Chánh-Phủ
BỘ-TRƯỞNG THỦ THỦ-TƯỚNG

Ký tên : Bửu Viên

Sao y bản chánh

Chủ Sự Phòng 4
ký tên : Lê đình Thất
(dấu)

NƠI NHẬN

- Nha Sinh-Hoạt Học-Đường

Fu bốn :

KT Tổng Thư-Ký
Phó Tổng Thư-Ký
ký tên : Châu văn Tự (dấu)

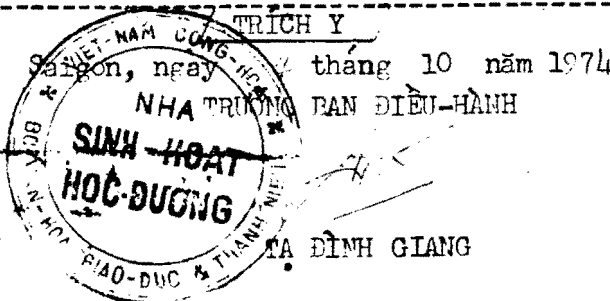
Số : 534-VHGDTH/NV5/7 ngày 15.10.74

Sao y

Chủ Sự Thông Nhân-viên 5
TRẦN TĂNG THÀNH

VIỆT-NAM CÔNG-HÒA
BỘ VĂN-HÓA GIÁO-DỤC VÀ THANH-NIÊN
NHA SINH-HOẠT HỌC-ĐƯỜNG

Số : 1285- VHGDTH/SHHD/DH



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Viet Nam

Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội
chủ nghĩa Việt Nam yêu cầu các nhà
chức trách có thẩm quyền của Việt Nam
và các nước cho phép người mang hộ
chiếu này được đi lại tự do và được
tạo mọi sự thuận lợi về mặt vật chất.

*The Ministry of Foreign Affairs of the
Socialist Republic of Vietnam requests
the competent authorities of Vietnam and
of other countries to allow this passport
bearer to pass freely and afford assistance
and protection in case of need.*



HỘ CHIẾU
Passport

Số
Nº

PT

81825/220Cj

2

Họ và tên Full name

HUYNH KIM TRÔNG

Ngày sinh Date of birth

1968

Nơi sinh Place of birth

Xã Hòa Bình, Minh

Chỗ ở Domicile

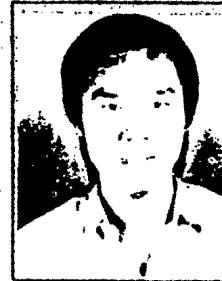
Xã Hòa Bình, Minh

Nghề nghiệp Occupation

Chiều cao Height

Vết tích đặc biệt khác Other particular signs

3



Ảnh và chữ ký người mang hộ chiếu
Photo and signature of the passport bearer

Hộ chiếu này có giá trị đến ngày

This passport is valid up to

20. 10. 1995

Người mang hộ chiếu này được phép đi đến

This passport bearer is allowed to travel to

TẤT CẢ CÁC QUỐC GIA

ALL COUNTRIES

Cấp tại Hà Nội ngày 20 tháng 10 năm 1990

Issued at

on

QUỐC ANH LÝ KHUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng



Trần Văn

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU
CHILDREN ACCOMPANYING THE PASSPORT BEARER



Họ và tên *Full name*

Ngày sinh *Date of birth*

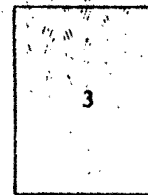
Nơi sinh *Place of birth*



Họ và tên *Full name*

Ngày sinh *Date of birth*

Nơi sinh *Place of birth*



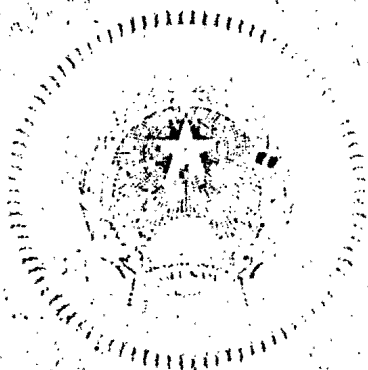
Họ và tên *Full name*

Ngày sinh *Date of birth*

Nơi sinh *Place of birth*

BỊ CHÚ — REMARKS

THỊ THỰC — VISAS



THỊ THỰC XUẤT CẢNH

81825-XC

Cấp cho: Thị trấn Kim Châu

Địa điểm:

Địa điểm: Thị trấn Kim Châu

Địa điểm: Đầu cầu

Trước ngày: 20.4.1991

Hà Nội ngày 20 tháng 4 năm 1991

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng



Trịnh Xuân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Viet Nam

Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội
chủ nghĩa Việt Nam yêu cầu các nhà
chức trách có thẩm quyền của Việt Nam
và các nước cho phép người mang hộ
chiếu này được đi lại dễ dàng và được
tạo mọi sự giúp đỡ và bảo vệ cần thiết.

*The Ministry of Foreign Affairs of the
Socialist Republic of Vietnam requests
the competent authorities of Vietnam and
of other countries to allow this passport
bearer to pass freely and afford assistance
and protection in case of need.*



HỘ CHIẾU
Passport

Số
N^o PT 81823/30 DC₁

Họ và tên Full name

HUYNH KIM THACH

Ngày sinh Date of birth

1966

Nơi sinh Place of birth

Xã Hòa Bình

Chỗ ở Domicile

Xã Hòa Bình

Nghề nghiệp Occupation

Chiều cao Height

Vết tích đặc biệt khác Other particular signs



Ảnh và chữ ký người mang hộ chiếu
Photo and signature of the passport bearer

Hộ chiếu này có giá trị đến ngày

This passport is valid up to

20 10 1995

Người mang hộ chiếu này được phép đi đến

This passport bearer is allowed to travel to

TẤT CẢ CÁC NƯỚC

ALL COUNTRIES

Cấp tại Hà Nội ngày 20 tháng 10 năm 1990

Issued at

on

TRƯỞNG PHÒNG LÝ XIÁT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng



Trưởng Phòng

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU
CHILDREN ACCOMPANYING THE PASSPORT BEARER

Họ và tên Full name

Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth

Họ và tên Full name

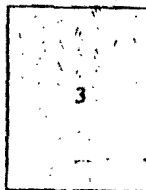
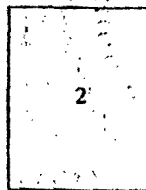
Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth

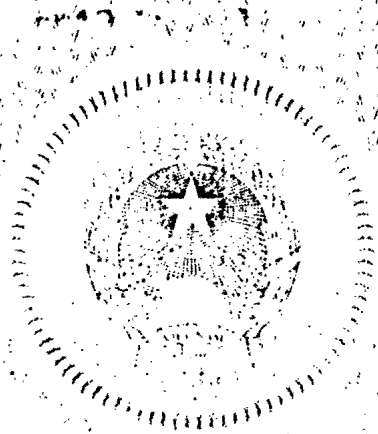
Họ và tên Full name

Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth



BỊ CHỮ — REMARKS



THỰC THỰC — VISAS

THỰC THỰC XUẤT CẢNH

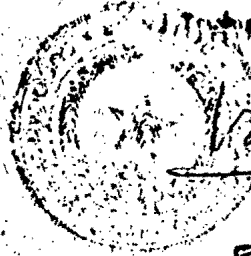
91823 XC

Cấp gia đình: *Nguyễn Văn Chanh*Cấp gia đình: *1.000*Đang ở: *Hợp Lực quốc H. 1. 1. 1. 1.*Quê cũ: *T. 1. 1. 1. 1. 1. 1.*Trước ngày: *20. 4. 1991*

Hà Nội ngày 22 tháng 10 năm 1990

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng

*Trưởng phòng*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Viet Nam

Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội
chủ nghĩa Việt Nam yêu cầu các nhà
chức trách có thẩm quyền của Việt Nam
và các nước cho phép người mang hộ
chiếu này được đi lại dễ dàng và được
tạo mọi sự giúp đỡ và bảo vệ cần thiết.

*The Ministry of Foreign Affairs of the
Socialist Republic of Vietnam requests
the competent authorities of Vietnam and
of other countries to allow this passport
bearer to pass freely and afford assistance
and protection in case of need.*



HỘ CHIẾU
Passport

Số
N^o PT 81821/90.DC

Họ và tên Full name

NGUYỄN THỊ BA

Ngày sinh Date of birth

1944

Nơi sinh Place of birth

Tp Hồ Chí Minh

Chỗ ở Domicile

Tp Hồ Chí Minh

Nghề nghiệp Occupation

Chiều cao Height

Vết tích đặc biệt khác Other particular signs



Ảnh và chữ ký người mang hộ chiếu
Photo and signature of the passport bearer

4

Hộ chiếu này có giá trị đến ngày

This passport is valid up to

20. 10. 1995

Người mang hộ chiếu này được phép đi đến

This passport bearer is allowed to travel to

TẤT CẢ CÁC NƯỚC

ALL COUNTRIES

Cấp tại Hà Nội ngày 20 tháng 10 năm 1990

Issued at

on

TRUNG TÂM LÝ THUYẾT NHẬP CÁN

Đường phồng



Trịnh Hòa

5

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU
CHILDREN ACCOMPANYING THE PASSPORT BEARER

Họ và tên Full name

Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth

Họ và tên Full name

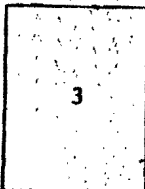
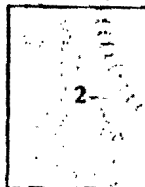
Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth

Họ và tên Full name

Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth



BỊ CHỮ — REMARKS



THỰC THỰC — VISAS

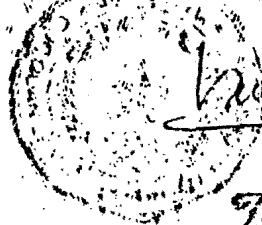
THỰC THỰC XUẤT CẢNH

81821.XC

Cấp cho: *Nguyễn Thị Lan*Công vụ: *...*Họ tên: *Nguyễn Thị Lan*Quê quán: *Trần Hưng*Trước ngày: *20.4.1991*Hải Phòng ngày *20* tháng *10* năm *1990*

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng

*Trần Hưng*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Viet Nam

Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam yêu cầu các nhà chức trách có thẩm quyền của Việt Nam và các nước cho phép người mang hộ chiếu này được đi lại, đi đường và được tạo mọi sự giúp đỡ và bảo vệ cần thiết.

The Ministry of Foreign Affairs of the Socialist Republic of Vietnam requests the competent authorities of Vietnam and of other countries to allow this passport bearer to pass freely and afford assistance and protection in case of need.



HỘ CHIẾU
Passport

Số
N^o PT 81812/22 DC

Họ và tên *Full name*

HUYNH KIM THANH

Ngày sinh *Date of birth*

1944

Nơi sinh *Place of birth*

Đông Nai

Chỗ ở *Domicile*

Tp Hồ Chí Minh

Nghề nghiệp *Occupation*

Chiều cao *Height*

Vết tích đặc biệt khác *Other particular signs*



Ảnh và chữ ký người mang hộ chiếu
Photo and signature of the passport bearer

4

Hộ chiếu này có giá trị đến ngày

This passport is valid up to

20 10 1995

Người mang hộ chiếu này được phép đi đến

This passport bearer is allowed to travel to

TẤT CẢ CÁC QUỐC
ALL COUNTRIES

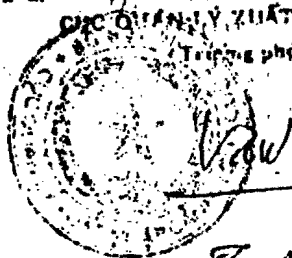
Cấp tại Hà Nội ngày 20 tháng 10 năm 1990

Issued at

on

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng



Trần Văn

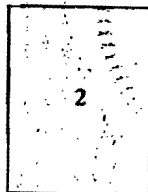
5

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU
CHILDREN ACCOMPANYING THE PASSPORT BEARER

Họ và tên Full name

Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth



Họ và tên Full name

Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth

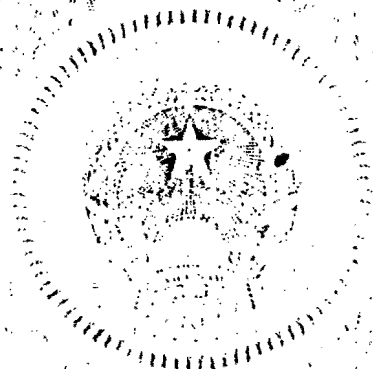


Họ và tên Full name

Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth

BỘ CHƯ - REMARKS



THỊ THỰC - VISAS

THỊ THỰC XUẤT CẢNH

S1819/KC

Cấp: *Nguyễn Kim Thanh*Cung: *1*Đơn vị: *Hợp tác xã*Quốc gia: *Việt Nam*Trên đây: *20.4.1991*Hải Phòng, *20 tháng 10 năm 1990*

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng

*Trịnh Văn*

Số:

GIẤY RA TRẠI

Căn cứ chỉ thị số 316/Ttg ngày 22-08-1977 của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về chính sách đối với binh sĩ, nhân viên các cơ quan chính quyền của chế độ cũ và đảng phái phản động hiện đang bị tập trung cải tạo.

Căn cứ thông tư Liên Bộ Quốc phòng - Nội vụ số 0712/LB ngày 29-12-1977 về việc thực hiện chỉ thị số 316/Ttg ngày 22-08-1977 của Thủ tướng Chính phủ.

Thi hành quyết định số 16/QĐ ngày 09/03/1979 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

CẤP GIẤY RA TRẠI

- Họ và tên: HUYỀN KIM THÀNH

Ngày, tháng, năm sinh: 1944

Quê quán: Đồng Nai

Trú quán: Lô P, số 43, cư xá Kiến thiết, Vĩnh Hội,

Nơi cho về: Bến Vân Đồn, quận 4, tp Hồ Chí Minh

Số lính, cấp bậc, chức vụ trong bộ máy chính quyền, quân sự và các tổ chức chính trị phản động của chế độ cũ: 64/141.762

Trung úy, Giáo viên cấp 3

- Khi về, phải trực tiếp trình ngay giấy này với Ủy Ban Nhân dân và công an xã, Phường: Lô P, số 43, cư xá Kiến thiết, Vĩnh Hội thuộc Huyện, quận: Bến Vân Đồn, quận 4 Tỉnh, Thành phố: Hồ Chí Minh và phải tuân theo các quy định của Ủy Ban Nhân dân Tỉnh, Thành phố về việc quản chế, về nơi cư trú và các mặt quản lý khác:

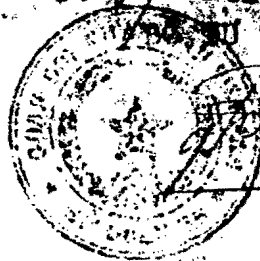
- Thời hạn quản chế: sáu tháng

- Thời hạn đi đường: hai ngày (kể từ ngày ký giấy ra trại).

- Tiền và lương thực đi đường đã cấp:

(có tiền cấp phát kèm theo)

Ngày 17 tháng 3 năm 1979



Thượng tá NGUYỄN TRỌNG PHU

Sở Công an Thành phố Hồ Chí Minh
 Về Tạm Trú đến ngày 25 Tháng 12 năm 1979
 Ngày 25 Tháng 09 Năm 1979
 71 năm tuổi



Phòng & LTA.

2078

Trưởng Cục Cảnh sát Trừng sát

20/3/79

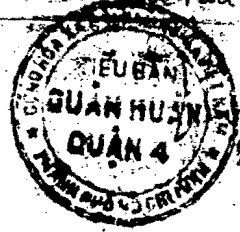


Thống Lôi

Xác nhận
 Được bi đến tin diên tại Hội
 P. Ban Quản Huấn & H. và phái
 Ủy ban M. của chủ tướng Chiết
 Sách, & y được của UBND T.P.
 và chỉ bị giữ theo Khẩu.

Ngày 30-3-79

Hội Ban Quản Huấn



Phạm Hưng

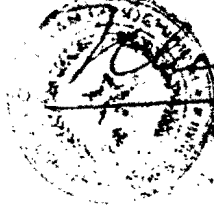


Thống Lôi



Thống Lôi

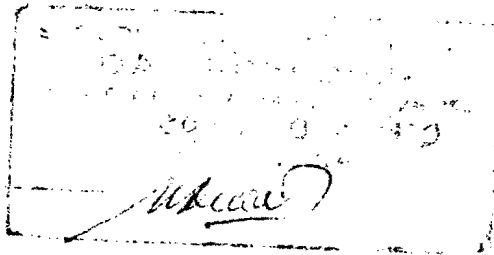
01-10-79



Phạm Hưng

04/79

Khuân



Thống Lôi